

Bản án số: 14 /2024/HNGĐ - ST

Ngày 30 tháng 07 năm 2024

V/v: “Hôn nhân và gia đình”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

### TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN S TỈNH PH

#### - Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Đình Quang;
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Đức Trường và ông Nguyễn Văn Thìn
- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Trí – Thẩm tra viên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân S tỉnh Ph tham gia phiên tòa: Ông Hà Trọng Thực - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 07 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph, Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **34/2024/TLST- HNGĐ**; ngày 27/05/2024 Về việc “Hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18/07/2024 giữa:

#### - Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị L** - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu Minh Nga, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lã Thành Công, trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph.

#### - Bị đơn: Anh **Triệu Chiều N** - sinh năm 1982

Địa chỉ : Khu Minh Nga, xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Bùi Đức Dũng, trợ giúp viên pháp luật thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Ph.

(Tại phiên tòa chị L có mặt và anh N đề nghị xét xử vắng mặt )

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/05/2024 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Triệu Chiều N lấy nhau trên cơ sở

tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 26/09/2022, tại UBND xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng chị ở cùng với gia đình anh Nam tại Khu Minh Nga, xã Thạch K, huyện Tân S. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên chị đề nghị được ly hôn anh N.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ, công sức: Chị L xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị L không có yêu cầu gì khác

**2. Về phía bị đơn:** Anh Triệu Chiều N đã được thông báo về việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/07/2024, anh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L đăng ký kết hôn như chị L trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng không có gì phát sinh mâu thuẫn do chị L tự ý đòi đi làm thuê sau đó chị L về làm đơn xin ly hôn tôi. Nay tôi cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống với nhau không có hạnh phúc nên tôi Cũng đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị L.

- Về con chung, về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ, công sức: Vợ chồng không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Ngoài ra anh N không có yêu cầu gì khác.

**3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị L:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 55, 57 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị L và anh N.

- Về các vấn đề khác không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

**4. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh N:** Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của anh Triệu Chiều N là cũng đồng ý ly hôn với chị Hoàng Thị L theo quy định của pháp luật. Các vấn đề khác anh N xác định không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Sơn phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;
- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 55 điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự tuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Triệu Chiều N.

+ *Về con chung, về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị L, anh N xác nhận không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Về án phí ly hôn sơ thẩm*: Áp dụng khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng**: Chị Hoàng Thị L có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Chiều N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân S, tỉnh Ph.

Tòa án đã thông báo cho anh Triệu Chiều N về việc thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh N đến Tòa án để làm việc nhưng anh N đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ. Ngày 18/07/2024 Tòa án phối hợp cùng chính quyền địa phương đến tại gia đình anh N để tiến hành lấy lời khai của anh N và anh N trình bày quan điểm, ý kiến của mình, đồng thời anh N cũng đề nghị giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N đề nghị xin xét xử vắng mặt; Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tân S xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định của pháp luật.

### **[2]. Về nội dung vụ án:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân**: Chị Hoàng Thị L và anh Triệu Chiều N trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 26/09/2022, Chị L và anh N đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch K, huyện Tân S, tỉnh Ph. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống thời gian đầu vợ chồng anh, chị hòa thuận hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2023 chị L và anh N không hòa thuận, hạnh phúc, thường xuyên có

mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin được ly hôn anh N. Về phía anh N cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không có gì lớn, nay chị L xin ly hôn anh, anh cũng nhất trí. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị L và anh N đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Sau khi chị L xin ly hôn anh N, anh N cũng đồng ý điều đó chứng tỏ anh N không còn niềm tin vào hạnh phúc của mình. Mặt khác, qua xác minh tại UBND xã Thạch K cho rằng khả năng đoàn tụ của anh, chị là khó. Như vậy, có thể thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N là phù hợp với quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. *Về con chung*: Chị L và anh N đều xác nhận không có con chung nên không đặt ra và không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp*: Chị L, anh N đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị L là người dân tộc thiểu số, sống ở khu đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5. *Về quyền kháng cáo*: Chị L và anh N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, bị đơn là phù hợp cần được chấp nhận.

2.7. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

#### **Tuyên xử:**

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Triệu Chiếu N.

[2] *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị L, anh N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp*: Chị L, anh N xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Án phí*: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Hoàng Thị L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Chị L có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. anh N vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện Tân S;
- UBND xã Thạch K
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Tạ Đình Quang**